BẢN TIN CHỨNG KHOÁN

ĐỘ RỘNG CẢI THIỆN, DÒNG TIỀN LUÂN CHUYỂN TỐT Ở NHÓM MID VÀ SMALL CAP

21/10/2026

VN-Index	**1691.97 (0.13%)**
650 Tr. cổ phiếu	13352.3 Tỷ VND (-0.54%)
HNX-Index	**257.96 (0.02%)**
40 Tr. cổ phiếu	573.1 Tỷ VND (-40.81%)
UPCOM-Index	**125.22 (0.16%)**
26 Tr. cổ phiếu	394.4 Tỷ VND (-4.43%)
VN30F1M	**1850.00 (0.49%)**
206,025 HD	OI: 34,653 HD

% Hiệu suất từ đầu năm 2026 của các chỉ số

NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG

- **Diễn biến:** Chỉ số VNIndex đóng cửa phiên tại 1692.0, tăng 2.1 điểm (+0.13%). Sắc xanh cũng ghi nhận ở VN30, tăng 6.3 điểm (+0.34%); HNXIndex tăng 0.1 điểm (+0.02%).
- **Điểm nhấn trong phiên:** Lực cầu trở lại về cuối phiên giúp chỉ số thu hẹp đà giảm. Song, thanh khoản giảm nhẹ so với phiên trước và thấp hơn mức trung bình 20 phiên, hàm ý dòng tiền vẫn chắt lọc cơ hội.
- Nhóm ngành và cổ phiếu diễn biến tích cực trong phiên: Tài nguyên Cơ bản: HPG (+2.7%), HSG (+2.9%), NKG (+5.7%) I Hóa chất: BFC (+1.8%), DPR (+1.9%), DGC (+2.0%) I Bán lẻ: MWG (+0.9%), DGW (+1.2%), FRT (+2.3%) I Hàng & Dịch vụ Công nghiệp: VSC (+2.3%), VOS (+2.6%), PAC (+4.4%). Diễn biến yếu trong phiên: Ngân hàng: HDB (-2.9%), LPB (-1.6%), KLB (-1.3%) I Bất động sản: KOS (-7.0%), VHM (-4.1%), SJS (-2.9%) I Bảo hiểm: BVH (-1.4%).
- Tác động chỉ số: Chiều tăng | VIC, TCB, HPG, GVR, BCM - Chiều giảm | VHM, HDB, VCB, LPB, SBT.
- Khối ngoại Bán ròng hơn 200 tỷ đồng, tập trung nhiều ở ACB, VHM, KDC, trong khi mua ròng TCB, HPG, FRT.

GÓC NHÌN KỸ THUẬT

- **VN-Index** kết phiên với mẫu hình nến Doji khi tiếp cận ngưỡng 1680 điểm, cho thấy lực cầu bắt đáy bước đầu đã có phản ứng. Về mặt kỹ thuật, RSI bật tăng từ vùng quá bán, cùng tỷ lệ cổ phiếu đóng cửa trên MA20 ngày gia tăng đáng kể và đã vượt mức 40%, phản ánh độ rộng thị trường cải thiện. Sự đồng thuận của các tín hiệu này mở ra khả năng chỉ số hồi phục và quay lại kiểm định vùng kháng cự 1720 - 1730 điểm. Tuy nhiên, thanh khoản cần gia tăng thêm để xác nhận sức mạnh của nhịp hồi và tạo cơ sở cho khả năng vượt được vùng cản.
- **Đối với HNX-Index**, chỉ số tiếp tục giằng co quanh ngưỡng 260 điểm. Nếu mất mốc 255, đà giảm có thể mở rộng về khu vực 240 điểm. Trái lại, vận động cần bứt phá được trên ngưỡng 266 để củng cố kỳ vọng phục hồi.
- **Chiến lược:** Trong bối cảnh dòng tiền phân hóa, nhà đầu tư nên quản trị theo tín hiệu riêng của từng cổ phiếu thay vì diễn biến chung của chỉ số. Với các tài khoản đã đưa tỷ trọng về mức phù hợp, có thể tiếp tục nắm giữ và quan sát thêm quá trình thị trường tìm điểm cân bằng. Bên cạnh đó, mùa công bố kết quả kinh doanh sẽ là yếu tố cần theo dõi để đánh giá lại sức khỏe cũng như triển vọng doanh nghiệp. Các nhóm ngành đang có dòng tiền cải thiện đáng chú ý như Đầu tư công, VLXD, nhóm Xuất khẩu (dệt may, thủy sản...).

CỔ PHIẾU KHUYẾN NGHỊ

Theo dõi thêm diễn biến thị trường

Phái sinh (trang 08)

Diễn biến thị trường từ đầu năm đến hiện tại

Chỉ số	Giá đóng cửa	% Thay đổi			Giá trị giao dịch (Tỷ VND)	% Biến động giá trị giao dịch so với			Khối lượng giao dịch (Triệu CP)	% Biến động khối lượng giao dịch so với		
		(%) 1D	(%) 1W	(%) 1M		01 phiên trước	Trung bình 01 tuần	Trung bình 01 tháng		01 phiên trước	Trung bình 01 tuần	Trung bình 01 tháng
Theo chỉ số												
VN-Index	1,692.0	0.1%	-1.6%	-6.8%	13,352.3	-0.5%	1.3%	-48.6%	650.0	-4.0%	15.7%	-26.4%
HNX-Index	258.0	0.0%	-2.4%	-6.3%	573.1	-40.8%	-18.5%	-2.6%	39.7	-44.7%	-14.5%	-6.9%
UPCOM-Index	125.2	0.2%	1.1%	-0.9%	394.4	-4.4%	-34.4%	-42.9%	26.3	11.7%	-11.4%	-62.6%
VN30	1,845.5	0.3%	-0.8%	-6.0%	7,257.1	-8.2%	-11.5%	-61.1%	237.1	-14.8%	-11.8%	-50.2%
VNMID	1,829.1	0.7%	2.2%	-3.2%	5,127.0	10.6%	22.9%	-14.4%	272.2	0.8%	14.5%	-12.4%
VNSML	1,232.0	0.4%	1.2%	-0.1%	736.9	19.6%	9.8%	-25.3%	56.4	17.6%	20.7%	-26.6%
Theo ngành (VNINdex)												
Ngân hàng	609.5	-0.2%	0.00%	-3.7%	4,207.7	-17.6%	-5.2%	-14.8%	193.7	-20.4%	-9.6%	-16.5%
Bất động sản	889.1	-0.1%	-5.6%	-13.1%	1,962.2	-3.1%	-11.9%	-20.6%	75.2	-21.2%	-17.3%	-25.9%
Dịch vụ tài chính	252.0	0.1%	3.1%	-8.2%	1,204.0	-35.0%	-22.2%	-24.0%	72.7	-35.3%	-23.1%	-22.1%
Công nghiệp	233.7	0.8%	0.6%	2.7%	732.3	20.8%	4.1%	-24.4%	27.6	12.1%	-3.7%	-24.2%
Tài nguyên cơ bản	468.9	2.5%	3.4%	-1.1%	769.1	66.9%	31.6%	35.1%	45.7	66.9%	31.3%	41.6%
Xây dựng - Vật Liệu	154.9	0.9%	3.1%	1.4%	554.0	27.4%	31.3%	42.4%	33.0	6.7%	15.3%	34.0%
Thực phẩm	490.5	0.2%	0.2%	-0.8%	1,530.6	96.6%	55.5%	2.2%	53.0	155.3%	72.4%	68.2%
Bán Lẻ	1,437.6	0.9%	0.2%	4.0%	429.2	-15.9%	-16.4%	-33.3%	5.5	-8.1%	-15.5%	-37.1%
Công nghệ	341.6	0.5%	1.9%	-11.6%	211.2	-15.4%	-29.3%	-45.9%	4.4	-9.8%	-25.3%	-43.8%
Hóa chất	167.8	1.4%	-0.4%	0.4%	272.6	62.9%	17.0%	-19.3%	10.2	42.9%	11.6%	-22.6%
Tiện ích	729.5	0.2%	-1.0%	-5.8%	248.9	96.0%	12.4%	-6.6%	14.4	151.7%	28.9%	17.0%
Dầu khí	111.9	-0.3%	-4.1%	-5.1%	271.5	4.5%	-43.15%	-60.8%	9.9	4.0%	-44.6%	-61.7%
Dược phẩm	392.1	0.2%	1.4%	2.2%	93.3	32.0%	48.8%	34.5%	4.0	35.2%	78.9%	64.0%
Bảo hiểm	107.9	-0.9%	-5.4%	1.2%	43.7	-62.5%	-42.3%	-47.4%	0.8	-54.3%	-31.6%	-39.0%

Nguồn: FiinPro, PHS tổng hợp

Diễn biến chỉ số chứng khoán của các thị trường trong khu vực và thị trường lớn trên Thế giới

Chỉ số	Thị trường	Giá đóng cửa	% Thay đổi giá		Chỉ số định giá	
			1 ngày	YTD	P/E	P/B
VN-Index	Việt Nam	1,692.0	0.13%	-5.2%	12.9x	1.9x
SET-Index	Thái Lan	1,555	-1.07%	23.4%	14.9x	1.5x
JCI-Index	Indonesia	5,279	5.65%	-39.0%	11.1x	1.3x
FTSE Bursa Malaysia	Malaysia	11,908	-0.02%	-3.2%	14.3x	1.4x
PSEi Index	Phillipines	5,806	0.14%	-4.1%	8.7x	1.2x
Shanghai Composite	Trung Quốc	3,735	0.12%	-5.9%	16.3x	1.5x
Hang Seng	Hồng Kông	23,868	-1.32%	-6.9%	12.1x	1.3x
Nikkei 225	Nhật Bản	64,075	-1.30%	27.3%	20.6x	2.8x
S&P 500	Mỹ	7,691	0.41%	12.3%	26.4x	5.6x
Dow Jones	Mỹ	51,966	-0.07%	8.1%	22.7x	5.7x
FTSE 100	Anh	10,684	-0.75%	7.6%	14.9x	2.3x
Euro Stoxx 50	Châu Âu	6,091	-0.88%	5.2%	16.7x	2.4x
DXY		101.8	0.00%	3.6%		
USDVND		25,879	-0.066%	-1.6%		

Nguồn: Bloomberg, PHS tổng hợp

Ghi chú: Chỉ số S&P 500, Dow Jones, FTSE 100 và Euro Stoxx 50 lấy giá đóng cửa hôm trước

Biến động giá/ chỉ số các loại hàng hóa toàn cầu

Giá/ Chỉ số hàng hóa	% Thay đổi giá			
	1D	1M	% YTD	% YoY
Dầu Brent	1.50%	7.0%	82.7%	82.2%
Dầu WTI	3.70%	7.2%	87.2%	86.9%
Khí gas	-1.9%	3.0%	-18.6%	-11.7%
Than cốc (*)	0.0%	-9.3%	34.7%	34.7%
Thép HRC (*)	-0.5%	-1.6%	-0.4%	-1.4%
PVC (*)	1.0%	5.8%	8.6%	6.0%
Phân Urea	0.0%	-6.0%	19.4%	16.2%
Cao su thiên nhiên	0.9%	9.1%	43.6%	51.9%
Bông Cotton	-0.1%	3.5%	24.6%	24.8%
Đường	0.2%	18.7%	37.3%	31.1%
World Container Index	0.0%	-0.3%	102.7%	165.8%
Baltic Dirty tanker Index	-2.2%	50.8%	460.0%	506.4%
Vàng	-0.64%	-6.0%	-4.8%	-5.6%
Bạc	-0.04%	-13.9%	-20.4%	8.8%

Nguồn: Bloomberg, PHS tổng hợp

Ghi chú (*) Chỉ số giá tại thị trường Trung Quốc

BẢN TIN CHỨNG KHOÁN
THỐNG KÊ THỊ TRƯỜNG CƠ SỞ

TOP NGÀNH ĐÓNG GÓP ĐIỂM CHO VNINDEX

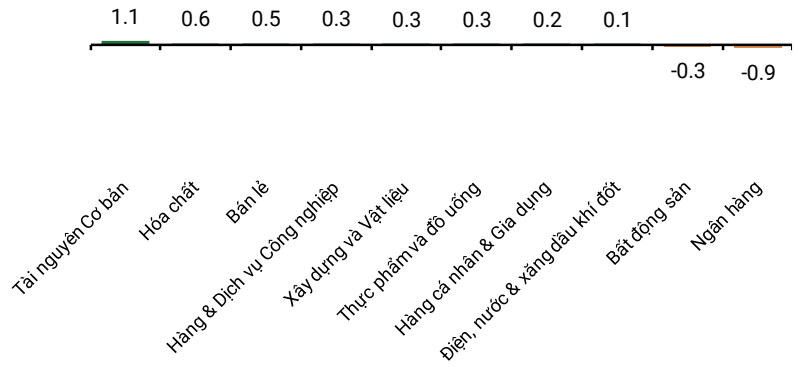

TOP CỔ PHIẾU ĐÓNG GÓP ĐIỂM CHO VNINDEX

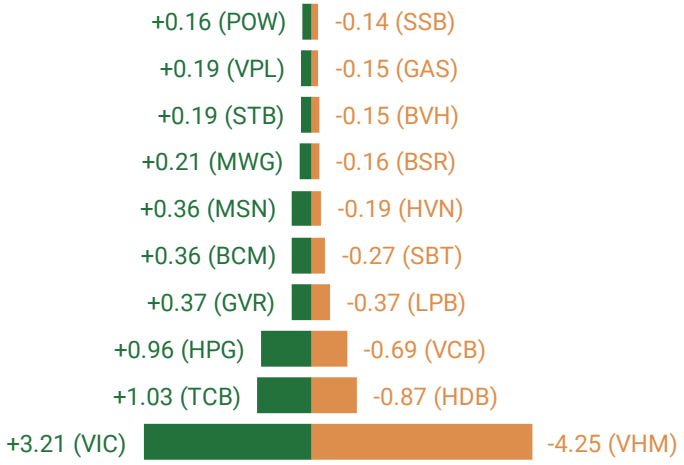

TOP CỔ PHIẾU NĐTNN GIAO DỊCH RÒNG (Tỷ VND) - VNINDEX

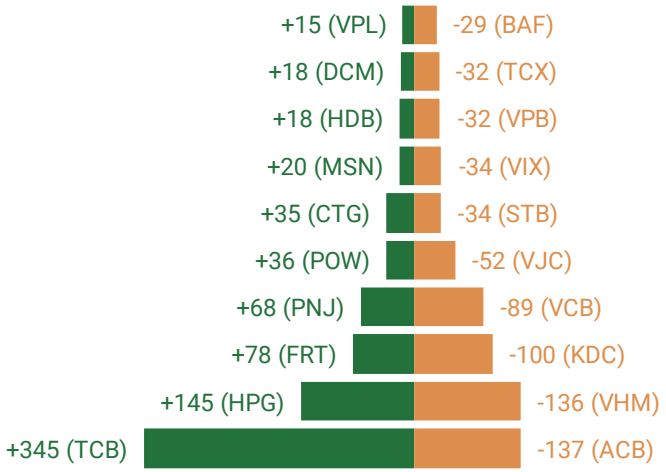

TOP NGÀNH ĐÓNG GÓP ĐIỂM CHO HNXINDEX

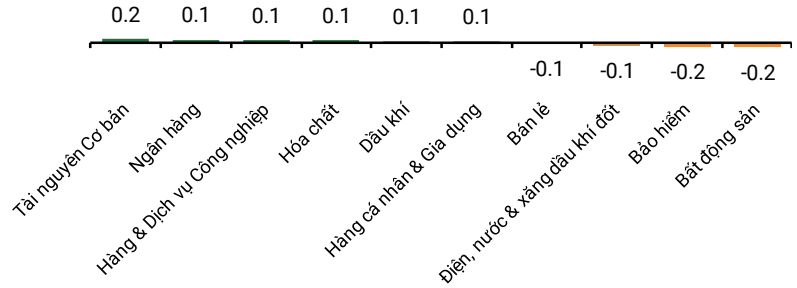

TOP CỔ PHIẾU ĐÓNG GÓP ĐIỂM CHO HNXINDEX

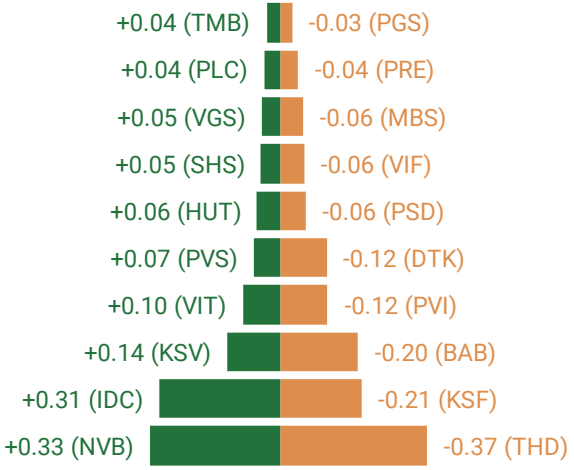

TOP CỔ PHIẾU NĐTNN GIAO DỊCH RÒNG (Tỷ VND) - HNXINDEX

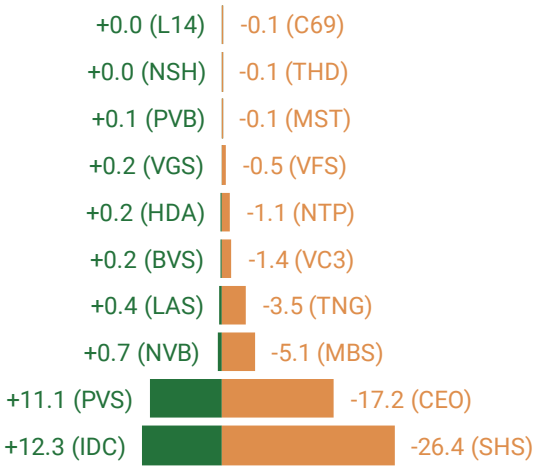

TOP CỔ PHIẾU GIAO DỊCH KHỚP LỆNH (Tỷ VND) - VNINDEX

	TCB	VHM	HPG	VIC	SHB
%DoD	2.1%	-4.1%	2.7%	1.0%	0.0%
Giá trị	1,022	750	534	409	396

TOP CỔ PHIẾU GIAO DỊCH THỎA THUẬN (Tỷ VND) VNINDEX

	SBT	VPB	HDB	GMD	ACB
%DoD	-6.2%	0.0%	-2.9%	1.9%	0.0%
Giá trị	622	170	158	124	101

GIÁ TRỊ GD RÒNG NĐTNN TẠI VNINDEX (Tỷ VND)

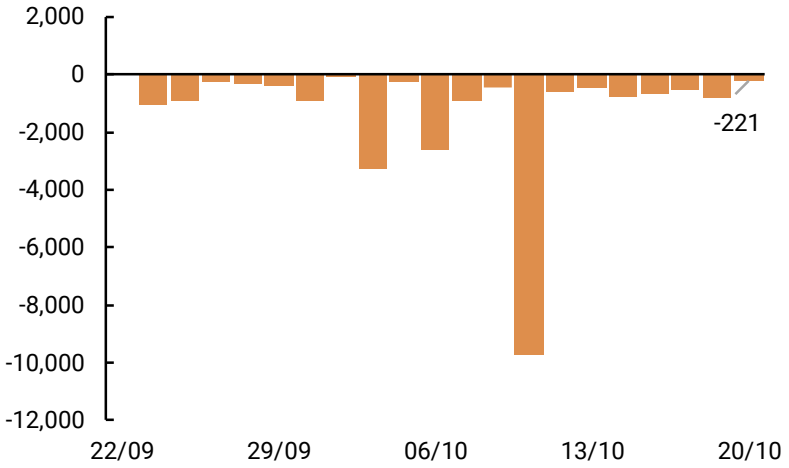

TOP CỔ PHIẾU GIAO DỊCH KHỚP LỆNH (Tỷ VND) - HNXINDEX

	SHS	CEO	VC3	IDC	PVS
%DoD	0.8%	0.9%	-0.4%	3.8%	0.6%
Giá trị	109	68	51	39	38

TOP CỔ PHIẾU GIAO DỊCH THỎA THUẬN (Tỷ VND) HNXINDEX

	MBS	TDT	ADC	PVS	PVC
%DoD	-0.6%	1.6%	0.0%	0.6%	0.0%
Giá trị	1	1	0	0	0

GIÁ TRỊ GD RÒNG NĐTNN TẠI HNXINDEX (Tỷ VND)

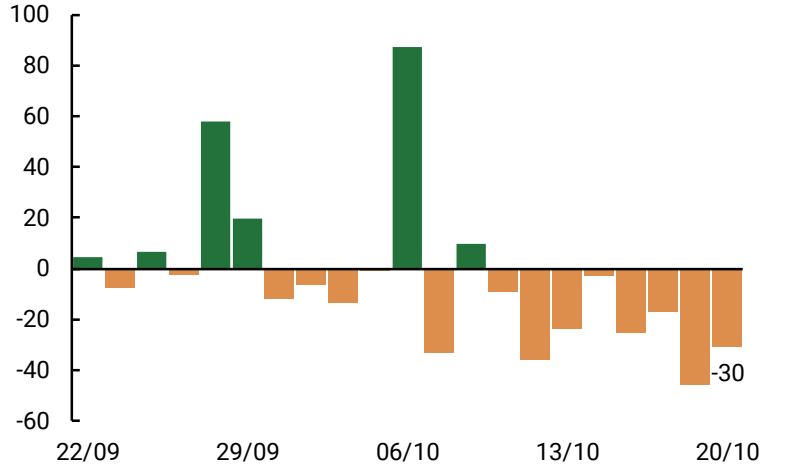

Góc nhìn kỹ thuật VNindex

- ✓ Nến Doji, vol dưới mức bình quân 20 phiên.
- ✓ Hỗ trợ: 1650 l 1700.
- ✓ Kháng cự: 1760 l 1820.
- ✓ MACD, RSI suy yếu.
- ✓ Xu hướng: Điều chỉnh.

Kịch bản: Lực cầu bước đầu phản ứng tốt khi chỉ số tiếp cận ngưỡng 1680 điểm. Diễn biến cho thấy VN-Index có thể quay lại kiểm định vùng cản 1720 – 1730 điểm. Thanh khoản là điểm cần lưu ý các phiên tới, khớp lệnh cần cải thiện hơn để củng cố khả năng bứt phá được cản. Điểm tích cực là độ rộng thị trường vẫn giữ đà phục hồi, với dòng tiền hoạt động tốt hơn ở nhóm Mid – Small Cap.

Góc nhìn kỹ thuật VN30

- ✓ Nến Hammer, vol dưới mức bình quân 20 phiên.
- ✓ Hỗ trợ: 1800 l 1840
- ✓ Kháng cự: 1900 l 1950.
- ✓ MACD, RSI suy yếu.
- ✓ Xu hướng: Điều chỉnh.
- ✓ **Kịch bản:** Mẫu hình nến Hammer cùng RSI tạo hai đáy đi lên tạo điều kiện cho nhịp hồi kỹ thuật. Chỉ số khả năng quay lại kiểm định vùng cản 1860 – 1880 điểm. Tuy nhiên, thanh khoản cần cải thiện hơn ở các phiên sau để củng cố khả năng vượt cản. Trái lại, lực cung hoàn toàn có thể trở lại chi phối.

Cổ phiếu khuyến nghị trong ngày

STT	Mã CK	Khuyến nghị	Ngày khuyến nghị	Giá hiện tại	Giá hành động	LN/Lỗ thực hiện	Giá mục tiêu	LN kỳ vọng	Giá cắt lỗ	Rủi ro giảm	Ghi chú

Danh mục cổ phiếu đang khuyến nghị

STT	Mã CK	Khuyến nghị	Ngày khuyến nghị	Ngày cập nhật khuyến nghị	Giá hiện tại	Giá thực hiện	LN/Lỗ hiện tại	Giá mục tiêu	LN kỳ vọng	Giá cắt lỗ	Rủi ro giảm	Ghi chú

Tín hiệu kỹ thuật

- **Hợp đồng VN30F1M** kết phiên tại 1850.0, tăng 9.0 điểm (+0.5%). Áp lực điều chỉnh chiếm ưu thế trong phiên sáng, nhưng lực mua cải thiện hơn về cuối phiên giúp giá trở lại sắc xanh.
- **Ở đồ thị 1 giờ,** chỉ báo MACD thu hẹp với đường tín hiệu, cùng RSI giữ đà phục hồi, cho thấy động lượng tăng cải thiện. Dù vậy, xu hướng lớn vẫn bị chi phối bởi kênh giảm. Theo đó, vị thế Long cần nến tăng xác nhận trên ngưỡng 1852. Vị thế Short cân nhắc khi giá lùi trở lại về dưới ngưỡng 1838.
- **Hợp đồng VN100F1M** đóng cửa tại 1743.9, giảm 12.6 điểm (-0.7%). Độ lệch basis 2.1 điểm (cao hơn VN100 cơ sở). Khối lượng khớp lệnh tăng, đạt 56 HĐ. Hỗ trợ gần quanh khu vực 1735 điểm, trong khi kháng cự là ngưỡng 1750 điểm.

Chiến lược giao dịch trong ngày

Vị thế	Điểm vào	Chốt lời	Cắt lỗ	Lợi nhuận/Rủi ro
Long	> 1852	1866	1845	14 : 7
Short	< 1838	1824	1845	14 : 7

Thống kê hợp đồng tương lai

Mã hợp đồng	Giá đóng cửa	Thay đổi (điểm)	KL giao dịch	KL Mở	Giá lý thuyết	Chênh lệch	Ngày thanh toán	Thời hạn còn lại (ngày)
41I1H6000	1,840.0	-12.8	12	7	1,866.4	-26.4	17/06/2027	240
41I1H3000	1,842.1	1.4	14	354	1,858.4	-16.3	18/03/2027	149
41I1GC000	1,848.0	-102.0	665	1,066	1,850.5	-2.5	17/12/2026	58
41I1GB000	1,850.0	9.0	206,025	34,653	1,848.1	1.9	19/11/2026	30
41I2GB000	1,743.9	-12.6	56	32	1,744.2	-0.3	19/11/2026	30

Khối lượng mở (Open interest)

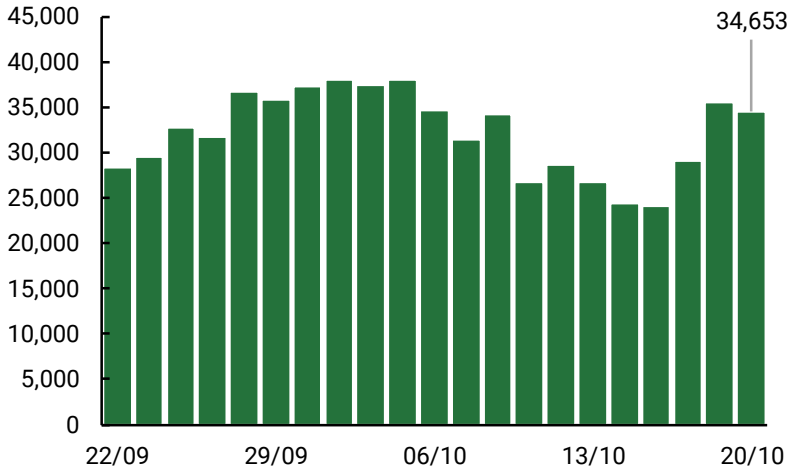

Khối lượng giao dịch ròng của khối ngoại
(Hợp đồng)

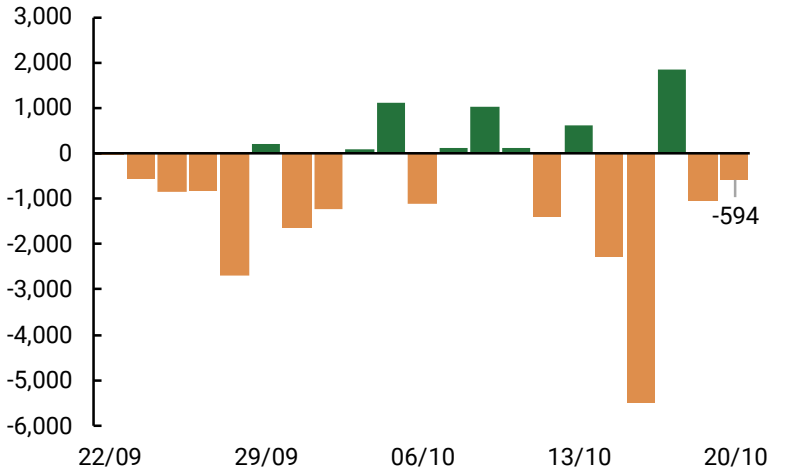

Khối lượng giao dịch ròng của tự doanh
(Hợp đồng)

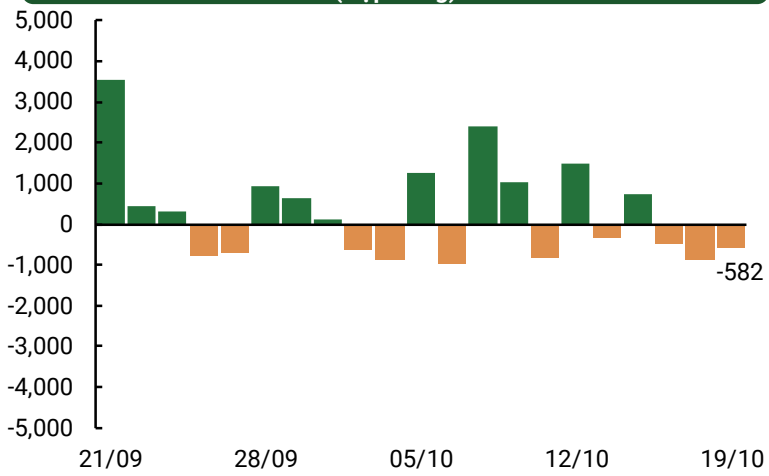

Basis hợp đồng tương lai

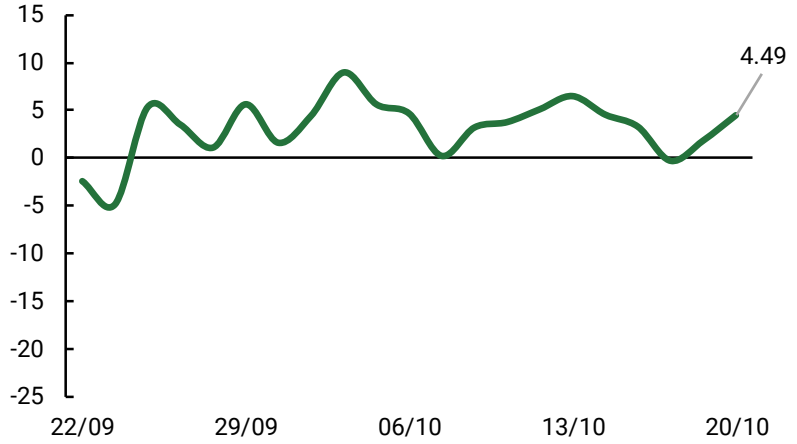

Đường cong hợp đồng tương lai

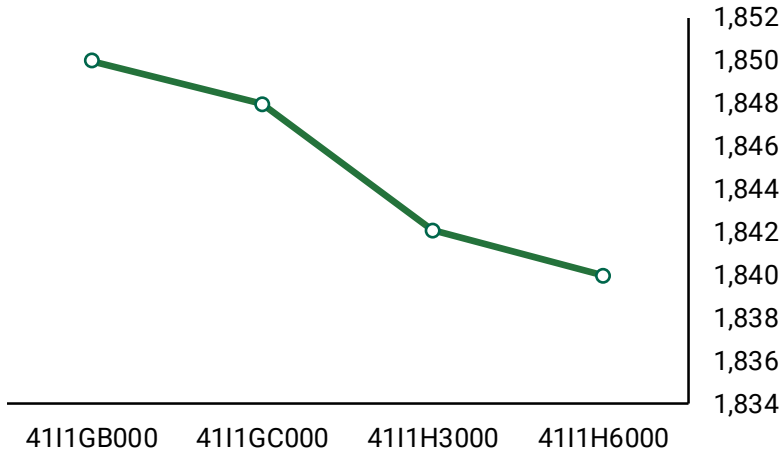

VN30F1M – VN30F2M

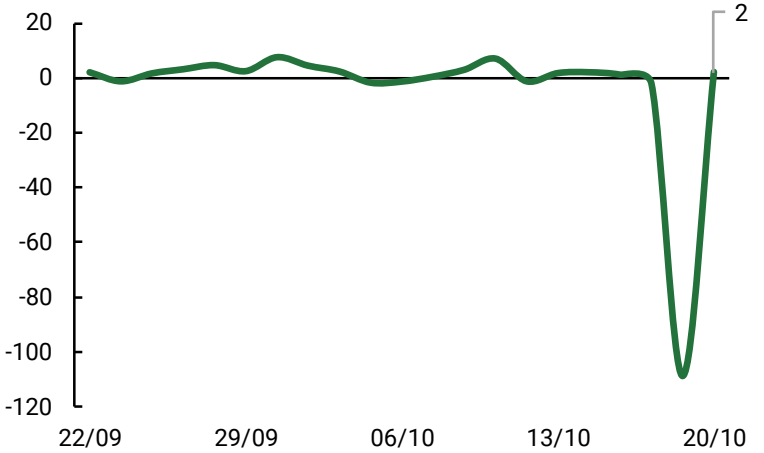

01/10	Việt Nam, Mỹ, Trung Quốc, EU – Chỉ số PMI
02/10	Mỹ – Tỷ lệ thất nghiệp, Bảng lương phi nông nghiệp
06/10	Việt Nam – Báo cáo kinh tế - xã hội quý 3/202
07/10	Việt Nam – FTSE Russell công bố xếp hạng thị trường
14/10	Trung Quốc – Lạm phát, PPI
14 – 15/10	Mỹ – Chỉ số CPI Mỹ – Chỉ số PPI
15/10	Việt Nam – Đáo hạn HĐTL VN30, VN100
19/10	Trung Quốc – GDP Q3, Sản xuất công nghiệp, Doanh số bán lẻ
20/10	Trung Quốc – Lãi suất LPR Việt Nam – Hạn BCTC quý 3/2026 đơn lẻ
29/10	Mỹ – Fed công bố lãi suất, GDP Q3 lần đầu, Chỉ số PCE EU – ECB công bố lãi suất
30/10	Việt Nam – Danh mục HNX30 có hiệu lực; Hạn BCTC quý 3/2026

THÔNG TIN VĨ MÔ

Vietcombank và nhiều ngân hàng giảm lãi suất huy động, cho vay từ 20/10: Từ ngày 20/10, Vietcombank giảm 0.5%/năm lãi suất huy động niêm yết các kỳ hạn từ 6 tháng trở lên, đồng thời triển khai chương trình tín dụng từ 19/10 đến hết 31/12 với mức giảm lãi suất cho vay 1.5–2%/năm, riêng một số lĩnh vực được giảm tới 3%/năm với khoản vay ngắn hạn. Cùng ngày, lãi suất tiết kiệm đồng loạt giảm tại VietinBank và hàng chục ngân hàng tư nhân, thực hiện chỉ đạo của NHNN.

Kim ngạch xuất nhập khẩu đến 15/10 vượt 945 tỷ USD, nhập siêu thu hẹp về 17.6 tỷ USD: Theo Cục Hải quan, kim ngạch xuất nhập khẩu 15 ngày đầu tháng 10 đạt 56.68 tỷ USD, tăng 48.5% YoY. Lũy kế đến 15/10, tổng kim ngạch vượt 945 tỷ USD, cao hơn mức 930 tỷ USD của cả năm 2025; trong đó xuất khẩu đạt 463.7 tỷ USD, nhập khẩu 481.36 tỷ USD, nhập siêu thu hẹp về khoảng 17.6 tỷ USD.

Trung Quốc giữ nguyên lãi suất cho vay cơ bản tháng thứ 17 liên tiếp: Ngày 20/10, Trung Quốc giữ nguyên LPR kỳ hạn 1 năm ở mức 3% và kỳ hạn 5 năm ở mức 3.5%, sau khi GDP quý 3 tăng 4.5% YoY, vượt dự báo. Thống đốc PBoC Pan Gongsheng cho biết cơ quan này sẽ ban hành hướng dẫn thúc đẩy cải cách chuẩn lãi suất cho vay, giảm sự phụ thuộc vào LPR.

THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

TCB - Techcombank chốt ngày 30/10 phát hành hơn 3.54 tỷ cổ phiếu trả cổ tức tỷ lệ 50%: HĐQT Techcombank chốt ngày đăng ký cuối cùng 30/10 để phát hành gần 3.54 tỷ cổ phiếu trả cổ tức tỷ lệ 50% từ lợi nhuận chưa phân phối năm 2025, nâng vốn điều lệ từ 70,862 tỷ đồng lên khoảng 106,293.6 tỷ đồng. Sau đó, ngân hàng sẽ chào bán gần 29.97 triệu cổ phiếu ESOP giá 10,000 đồng/cổ phiếu; nếu hoàn tất cả hai đợt, vốn điều lệ đạt khoảng 106,593 tỷ đồng, cao nhất hệ thống.

NT2 - Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2 báo LNTT quý 3 đạt 524 tỷ đồng, tăng 119% YoY: Quý 3/2026, NT2 đạt doanh thu thuần hơn 2,807 tỷ đồng (+46% YoY), LNTT 524 tỷ đồng (+119%) và LNST gần 419 tỷ đồng (+95%); theo giải trình, lợi nhuận tăng chủ yếu nhờ hoạt động sản xuất điện. Lũy kế 9 tháng, LNST hơn 906 tỷ đồng (+57%). Công ty sẽ chốt quyền trả cổ tức năm 2025 bằng tiền tỷ lệ 10% vào ngày 30/10, thanh toán ngày 16/11.

CTD - Coteccons đặt mục tiêu doanh thu 42,000 tỷ đồng niên độ 2026–2027, backlog 70,000 tỷ đồng: Tại ĐHĐCĐ ngày 20/10, CTD cho biết niên độ 2025–2026 đạt doanh thu 34,340 tỷ đồng, LNST 788 tỷ đồng; giá trị trúng thầu mới 60,307 tỷ đồng (+107%), đưa backlog lên mức kỷ lục 70,000 tỷ đồng. Niên độ 2026–2027, công ty đặt mục tiêu doanh thu 42,000 tỷ đồng, LNST 1,050 tỷ đồng; quý 1 (7–9/2026) đạt doanh thu 11,270 tỷ đồng và lợi nhuận 306 tỷ đồng. Mục tiêu năm 2030 là doanh thu 68,000 tỷ đồng.

VPX - VPBankS đạt LNTT 9 tháng 3,516 tỷ đồng, tăng 8% YoY: VPBankS công bố tổng doanh thu 9 tháng 2026 gần 10,600 tỷ đồng, gần gấp đôi cùng kỳ, LNTT 3,516 tỷ đồng (+8%). Doanh thu tư vấn phát hành đạt hơn 1,600 tỷ đồng (+73%), cho vay ký quỹ hơn 3,000 tỷ đồng (gấp 2.5 lần), môi giới 341 tỷ đồng (+10%). Cuối quý 3, dư nợ margin và ứng trước gần 40,000 tỷ đồng, tăng 17% so với đầu năm.

BẢN TIN CHỨNG KHOÁN
DANH MỤC CỔ PHIẾU PHÂN TÍCH

Mã CK	Thị giá	Giá hợp lý *	Upside/ Downside	Khuyến nghị
BSR	28,700	31,150	8.5%	Nắm giữ
CTG	30,450	40,700	33.7%	Mua
CTD	66,000	82,900	25.6%	Mua
DBD	46,450	66,000	42.1%	Mua
DDV	17,714	35,900	102.7%	Mua
DGW	46,000	46,500	1.1%	Nắm giữ
DPG	29,500	42,300	43.4%	Mua
DPR	37,650	46,500	23.5%	Mua
DRI	16,028	17,200	7.3%	Nắm giữ
EVF	11,450	14,400	25.8%	Mua
FRT	149,400	177,400	18.7%	Tăng tỷ trọng
GMD	55,000	92,400	68.0%	Mua
HAH	49,550	58,300	17.7%	Tăng tỷ trọng
HDG	14,850	30,900	108.1%	Mua
HHV	9,480	11,700	23.4%	Mua
HPG	21,100	28,700	36.0%	Mua
IMP	35,650	54,400	52.6%	Mua
KDH	14,150	35,300	149.5%	Mua
MCH	139,900	146,500	4.7%	Nắm giữ
MWG	74,900	115,600	54.3%	Mua

Mã CK	Thị giá	Giá hợp lý *	Upside/ Downside	Khuyến nghị
MBB	19,650	27,500	39.9%	Mua
NLG	21,400	39,400	84.1%	Mua
NT2	24,100	27,700	14.9%	Tăng tỷ trọng
PHR	32,550	39,500	21.4%	Mua
PVS	32,000	33,250	3.9%	
PVT	24,200	26,000	7.4%	Nắm giữ
POW	12,500	17,500	40.0%	Mua
SAB	42,800	54,900	28.3%	Mua
SSI	19,950	31,200	56.4%	Mua
TLG	56,900	50,000	-12.1%	Bán
TCB	33,950	41,700	22.8%	Mua
TCM	14,800	35,300	138.5%	Mua
TRC	24,300	22,950	-5.6%	Giảm tỷ trọng
VCB	55,800	79,700	42.8%	Mua
VPB	24,000	28,960	20.7%	Mua
VCG	15,500	23,300	50.3%	Mua
VHC	51,800	58,000	12.0%	Tăng tỷ trọng
VNM	57,700	66,650	15.5%	Tăng tỷ trọng

** Giá hợp lý đã điều chỉnh các quyền thực hiện sau ngày báo cáo*

Đảm bảo phân tích

Báo cáo được thực hiện bởi **Lê Trần Khang, chuyên viên phân tích cao cấp – Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng**. Mỗi nhân viên phụ trách về phân tích, chiến lược hay nghiên cứu chịu trách nhiệm cho sự chuẩn bị và nội dung của tất cả các phần có trong bản báo cáo nghiên cứu này đảm bảo rằng, tất cả các ý kiến của những người phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đều phản ánh trung thực và chính xác ý kiến cá nhân của họ về những vấn đề trong bản báo cáo. Mỗi nhân viên phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đảm bảo rằng họ không được hưởng bất cứ khoản chi trả nào trong quá khứ, hiện tại cũng như tương lai liên quan đến các khuyến cáo hay ý kiến thể hiện trong bản báo cáo này

Miễn trừ trách nhiệm

Báo cáo nghiên cứu này được chuẩn bị bởi Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng (PHS) nhằm mục đích cung cấp thông tin. Thông tin được trình bày trong báo cáo này được thu thập từ các nguồn được cho là đáng tin cậy, nhưng PHS không đảm bảo về tính chính xác hoặc đầy đủ của thông tin đó. Các quan điểm, ước tính, và dự báo trong báo cáo này phản ánh đánh giá hiện tại của tác giả tại thời điểm phát hành báo cáo và có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Báo cáo này không phải là một lời đề nghị bán hoặc mời chào mua bất kỳ loại chứng khoán nào. Báo cáo này không nhằm mục đích cung cấp tư vấn đầu tư cá nhân và không xét đến các mục tiêu đầu tư cụ thể, tình hình tài chính, hoặc nhu cầu của bất kỳ cá nhân nào. PHS, các công ty liên kết và/hoặc các cán bộ, giám đốc hoặc nhân viên của họ có thể có lợi ích hoặc vị trí trong, và có thể thực hiện các giao dịch liên quan đến chứng khoán hoặc quyền chọn được đề cập trong báo cáo này. PHS cũng có thể thực hiện hoặc tìm cách thực hiện các dịch vụ ngân hàng đầu tư hoặc các dịch vụ khác cho các công ty được đề cập trong báo cáo này. PHS, các công ty liên kết của mình, cũng như các cán bộ, giám đốc hoặc nhân viên của họ, không chịu bất kỳ trách nhiệm pháp lý nào đối với bất kỳ tổn thất trực tiếp hoặc hệ quả nào phát sinh từ việc sử dụng báo cáo này hoặc nội dung của nó

© Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng (PHS)
Tầng 21, Phú Mỹ Hưng Tower, 08 Hoàng Văn Thái, phường Tân Phú, quận 7, Tp.HCM
Điện thoại: (+84-28) 5 413 5479 Fax: (+84-28) 5 413 5472
Hỗ trợ khách hàng: 1900 25 23 58 Hỗ trợ đặt lệnh: (+84-28) 5 413 5488
E-mail: info@phs.vn / support@phs.vn Web: www.phs.vn

Chi nhánh Quận 1
Phòng 1003A, Tầng 10, Tòa nhà Ruby, 81-83-83B-85 Hàm Nghi, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp.HCM
Điện thoại: (84-28) 3 535 6060
Fax: (84-28) 3 535 2912

Chi nhánh Quận 3
Tầng 4 , D&D Tower, 458 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 2, Quận 3, Tp. HCM
Điện thoại: (84-28) 3 820 8068
Fax: (84-28) 3 820 8206

Chi nhánh Tân Bình
Tòa nhà Park Legend, 251 Hoàng Văn Thụ, Phường 2, Quận Tân Bình, Tp.HCM
Điện thoại: (84-28) 3 813 2401
Fax: (84-28) 3 813 2415

Chi nhánh Thanh Xuân
Tầng 5 - Văn phòng C, Tòa nhà Taisei Square Hanoi - số 289 đường Khuất Duy Tiến, phường Đại Mỗ, Tp.Hà Nội.
Điện thoại: (84-24) 6 250 9999
Fax: (84-24) 6 250 6666

Chi nhánh Hải Phòng
Tầng 2, Tòa nhà Eliteco, 18 Trần Hưng Đạo, Quận Hồng Bàng, Hải Phòng
Điện thoại: (84-225) 384 1810
Fax: (84-225) 384 1801